

Số: 07.../2020/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014 (“Luật Doanh nghiệp 2014”);
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (“Nghị định 71”);
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (“Thông tư 95”);
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“Điều lệ”);
- Yêu cầu tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở quy định pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương, với mục tiêu xây dựng Điều lệ Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi một số điều khoản trong Điều lệ Công ty. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được nêu tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty nêu trên. Điều lệ sửa đổi, bổ sung (Điều lệ mới) sẽ có hiệu lực từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế cho Điều lệ hiện hành.

Giao Chủ tịch HĐQT – người đại diện theo pháp luật của Công ty căn cứ những nội dung sửa đổi, bổ sung được Đại hội thông qua, thực hiện rà soát, hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới của Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT *duo*



MAI HỮU ĐẠT

BẢNG TỔNG HỢP THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG
(đính kèm cùng Tờ trình số 07/2020/TT-ĐHĐCĐ-OGC ngày 28 tháng 5 năm 2020)

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI	LÝ DO SỬA/ BỔ SUNG & LUẬT THAM CHIẾU
1	Sửa đổi, bổ sung PHẦN MỞ ĐẦU		
	PHẦN MỞ ĐẦU: Điều lệ này được cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương thông qua theo nghị quyết họp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 4 năm 2014, sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 và sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 001/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/5/2019 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương.	PHẦN MỞ ĐẦU: Điều lệ này được cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2015 Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, Nghị quyết số 001/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Nghị quyết sốngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Cập nhật cho chính xác
2	Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 1 và bổ sung điểm e khoản 1 Điều 1. Định nghĩa		
	1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: ... d. “ Cán bộ quản lý ” là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: ... d. “ Người quản lý Công ty ” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này. e. “ Người điều hành Công ty ” bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	Sửa đổi định nghĩa người quản lý Công ty theo khoản 18 Điều 4 Luật DN; Bổ sung định nghĩa “Người điều hành Công ty” theo điểm e Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC và thực tế hoạt động điều hành Công ty.

S.Đ.K
0

Handwritten signature

3		Sửa đổi 1 khoản 3 và khoản 4 Điều 2 – Tên, trụ sở Công ty	
	<p>1. Tên Công ty Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương Tên tiếng Anh: Ocean Group Joint Stock Company Tên giao dịch: Ocean Group Joint Stock Company Tên viết tắt: OGC., JSC.</p>	<p>2. Tên Công ty Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn OGC Tên tiếng Anh: OGC Group Joint Stock Company Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tập đoàn OGC Tên viết tắt: OGC GROUP., JSC.</p>	<p>Trường hợp tờ trình về việc đổi tên Công ty được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì nội dung sửa đổi đó sẽ được sửa đổi tương ứng trên Điều lệ Công ty</p>
	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội Điện thoại: 84-4- 37736789 Fax: 84-4 37726878 Website: www.oceangroup.vn</p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Tầng 3 tòa VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội Điện thoại: +84. 024 3772 7252 Fax: +84.0243772 7073 Website:</p>	<p>Trường hợp tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì nội dung sửa đổi đó sẽ được sửa đổi tương ứng trên Điều lệ</p>
	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung quy định về số lượng người đại diện theo pháp luật để phù hợp với quy định của pháp luật</p>
4	Sửa đổi khoản 2 Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động		
	<p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Cập nhật theo Thông tư 95</p>
Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 5. Vốn điều lệ, cổ đông, cổ phần			

ms

	5. Danh sách cổ đông sáng lập và các cổ đông góp vốn khác của Công ty: [...]	5. Cổ đông sáng lập: Cổ đông sáng lập Công ty được nêu tại Phụ lục 01 của Điều lệ này.	Phù hợp với thông lệ như Điều lệ mẫu.
5	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty Quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông đăng ký mua. Thông báo việc chào bán cổ phần phải được gửi cho cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty Quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.	Điều chỉnh lại thời gian theo quy định của Điều lệ mẫu và để đảm bảo thời gian cho công tác chuẩn bị tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.
6	<p>Sửa đổi khoản 7 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển</p>	7. Công ty có thể phát hành cổ phiếu ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng	Phù hợp tình hình thực tế của Công ty và quy định của pháp luật.

	nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	
	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần		
7	1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch-Chứng khoán.	1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Phù hợp quy định của Pháp luật.
	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	
	Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và hủy bỏ khoản 5 Điều 9: Thu hồi cổ phần		
8	2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	2. Thông báo thanh toán tại Khoản 1 Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	Dẫn chiếu điều khoản phù hợp
	3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán	3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo tại khoản 1 Điều này không được thực hiện, trước	Phù hợp với quy định sau khi bỏ Khoản 5 Điều này.

	đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Khoản 4, 5, 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Khoản 4, 5 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	
	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán, Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một lần hoặc toàn bộ số tiền đó.	Bãi bỏ	Quy định này vượt quá thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp nên đề nghị bãi bỏ cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu.
	Sửa đổi điểm d Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý		
9	Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát; d. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành;	Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát; d. Tổng Giám đốc.	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Các nội dung tương tự tại Điều lệ sẽ được sửa đổi tương ứng theo quy định tại Điểm d Điều 10.
	Sửa đổi điểm a, điểm b và hủy bỏ điểm c khoản 3 Điều 11: Quyền của cổ đông phổ thông		
10	a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24 và 36.2;	a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên theo quy định tương ứng tại các Điều 24 và Điều 36.2;	Thông nhất với trình bày Toàn văn của Điều lệ
	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội	b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo	

	đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và 136 Luật Doanh nghiệp;	các quy định tại Điều 114 và 136 Luật Doanh nghiệp;	
	c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.		Theo quy định của Pháp luật và phù hợp với tình hình của Công ty
11	Sửa đổi điểm c, điểm e khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông		
	c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định.	c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.	Sửa, bổ sung theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC và khoản 3 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014
	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
12	Sửa đổi điểm b, điểm c và bổ sung điểm e, điểm f khoản 1; bỏ điểm b, điểm n khoản 2 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		
	1. ... b. Báo cáo của Ban Kiểm soát;	1... b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;	
	c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;	c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT;	
		e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại	

		cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	
	2. b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	2. Bỏ điểm b, điểm n	Đã chuyển lên thành điểm e khoản 1 Điều 14. Phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 136 LDN 2014
	n. Việc giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;		Không phù hợp với Khoản 2 Điều 12 NBĐ 71/2017:
	Bỏ khoản 3, sửa đổi khoản 4 Điều 15. Các đại diện được ủy quyền		
13	3.Trường hợp luật sư hay người thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu Giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).		Quy định này không phù hợp với thực tế hoạt động và đề nghị lược bỏ cho phù hợp với thực tiễn và quy định của Luật doanh nghiệp 2014.
	4.Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: [....]	4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: [....]	Điều chỉnh do xóa bỏ quy định tại Khoản 3 nêu trên
	Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 16. Thay đổi các quyền		
14	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt	

	gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi đã có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi đã có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên tham dự họp biểu quyết thông qua.	
	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ.	3.Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ nhưng phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.	Điều 17 Điều lệ mẫu
	Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông		
15	b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Cổ đông có quyền [...]	b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	Phù hợp với quy định về trách nhiệm của Người triệu tập Đại hội.
	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông		
16	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết”.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh cho Phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp nhằm tăng trách nhiệm của Cổ đông trong việc tham dự cuộc

	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>2. [...] Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>họp ĐHĐCĐ, tránh việc phải tổ chức lại nhiều lần để giúp tiết kiệm chi phí của Công ty</p>
17	<p>Sửa đổi khoản 1, khoản 5, khoản 6, khoản 10 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>		
	<p>1. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu không quá ba người.</p>	<p>1. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội: a. Đối với các nội dung biểu quyết bằng việc giơ thẻ biểu quyết: Cổ đông sẽ thực hiện việc giơ thẻ biểu quyết để biểu quyết “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách kiểm đếm thẻ biểu quyết tán thành, sau đó kiểm đếm thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm đếm thẻ biểu quyết không có ý kiến. Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến, xác định tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm thẻ tại Đại hội sau khi kết thúc phần kiểm thẻ cho từng nội dung. b. Đối với các nội dung biểu quyết bằng việc bỏ phiếu biểu quyết: Trên Phiếu biểu quyết in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết. Tương ứng</p>	<p>Quy định cụ thể về việc tiến hành biểu quyết tại Đại hội và quy định cụ thể về phương thức thực hiện để giúp việc tổ chức đại hội được thuận lợi và phù hợp với yêu cầu thực tế trong việc tổ chức phiên họp.</p>

thuk

		<p>với mỗi nội dung cần biểu quyết có 03 (ba) phương án biểu quyết là “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Khi Chủ tọa yêu cầu cổ đông biểu quyết, cổ đông đánh dấu vào duy nhất một (01) phương án lựa chọn và bỏ phiếu đã biểu quyết vào thùng phiếu. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu trước khi kết thúc Đại hội, trừ trường hợp Đại hội quyết định khác.</p> <p>c. Đại hội cũng có thể thực hiện biểu quyết theo phương thức điện tử, các quy định về biểu quyết theo phương thức điện tử (nếu có) cũng như các thông tin về sử dụng, tính hợp lệ và các thông tin khác về thể biểu quyết/phiếu biểu quyết sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
	<p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p>	<p>5. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p>	<p>Sửa theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2014</p>

shuk

	<p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p> <p>Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;</p> <p>Trong các trường hợp khác, khi Đại hội đã có đủ số lượng cổ đông cần thiết dự họp, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi được Đại hội đồng cổ đông đồng ý. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	
	<p>10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn</p>	<p>10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông; [...]</p>	

	khác.		
18	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.</p> <p>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p>	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p>	<p>Sửa theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 71 (bổ sung các khoản 2 và 4)</p>
	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo BCTC gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít</p>	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc</p>	<p>Sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và tình hình thực tế của Công ty</p>

	nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp).	
Bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông			
		3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.	Bổ sung quy định việc bầu thành viên HĐQT và BKS thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật DN
		4. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, các quyết định khác được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung thêm trên cơ sở khoản 2 Điều 144 Luật DN
19	Sửa đổi khoản 5 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	5. Hội đồng quản trị tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Hội đồng quản trị tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]	Áp dụng thống nhất khái niệm quy định tại Điều 1 Điều lệ Sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 145 Luật D.N
Sửa đổi Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông			

20	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Áp dụng thống nhất thuật ngữ sử dụng trong Điều lệ</p>
Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị			
21	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng [...], và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.</p> <p>Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công ty.</p>	<p>Điều 150 Luật DN 2014 chỉ quy định nhiệm kỳ đối với thành viên HĐQT, không quy định nhiệm kỳ cho Hội đồng quản trị;</p> <p>Phù hợp với định nghĩa “thành viên độc lập HĐQT” được sử dụng trong LDN 2014 và Nghị định 71</p>
	<p>Sửa theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>		

	<p>cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công ty.</p>		
Sửa đổi khoản 2 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị			
	<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc, Người điều hành và người quản lý khác của Công ty.</p>	<p>Áp dụng tương tự khái niệm tại Điều 1 Điều lệ</p>
22	Sửa đổi điểm c, điểm e, điểm h, điểm j, điểm l khoản 3, bỏ điểm i và bổ sung điểm o, p, n khoản 3 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị		
	<p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.</p>	<p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</p>	<p>Sửa theo Điểm i Khoản 2 Điều 149 Luật DN 2014</p>
	<p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại</p>	<p>d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định</p>	<p>Áp dụng tương tự các khái niệm quy định tại Điều 1 của</p>

diện của Công ty giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó.	lựa chọn đại diện của Công ty giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.	Điều lệ
h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;	h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;	Điểm m Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu
i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo Hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).		Gộp quy định tại điểm c Điều này
j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;	i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; thủ tục chi trả cổ tức	Điều chỉnh cho phù hợp quy định của luật Doanh nghiệp
l. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc điều hành) điều hành.	k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.	Sửa theo thực tế công ty
	n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông o. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua. p. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của	Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu



Handwritten signature or mark in blue ink.

		Pháp luật.	
Sửa đổi điểm c, điểm I, điểm j và bỏ điểm f khoản 4 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị			
c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3, Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 và Điều 162.1 và Điều 162.3 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Sửa lại dẫn chiếu phù hợp với quy định hiện hành.	
f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.	Bỏ điểm f	Luật DN năm 2014 không quy định về vấn đề này. Nội dung thẩm quyền phê duyệt đã được quy định cụ thể tại Quy chế tài chính Công ty	
i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;	i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong 12 tháng	Điều chỉnh cho phù hợp quy định của luật Doanh nghiệp	
j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.	j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.	Bổ sung làm rõ từ ngữ	
Sửa đổi khoản 5, khoản 6 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị			
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho	5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với người quản lý, người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông,	Điểm k khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.	

	Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	
	6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho công ty.	6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc người điều hành công ty đại diện xử lý công việc thay mặt cho công ty.	
	Sửa đổi khoản 2 Điều 26. Chủ tịch, phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		
23	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm, triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. [...]	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu Đại hội, triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. [...]	Phù hợp khoản 2 Điều 29 Điều lệ mẫu
	Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 7, khoản 8 Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị		
24	2. Các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.	2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.	Sửa theo quy định tại Khoản 5 Điều 153 LDN 2014 và tình hình thực tế của Công ty
	3. Các cuộc họp bất thường, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc	3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người	Sửa theo Khoản 8 Điều 153 Luật DN năm 2014

	<p>ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Ít nhất Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p>	<p>điều hành Công ty và/hoặc Người quản lý khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị. d. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp hoặc thời gian khác ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết và/hoặc vì lợi ích của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp hoặc thời gian khác ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết và/hoặc vì lợi ích của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản trong trường hợp việc triệu tập vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của từng thành viên. [...]</p>	<p>Sửa phù hợp tình hình thực tế Công ty và theo quy định Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014</p>
	<p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba</p>	<p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba</p>	<p>Sử dụng khái niệm phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều</p>

<p>phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất hoặc thời gian khác ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết và/hoặc vì lợi ích Công ty. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện theo ủy quyền. [...]</p>	<p>lệ mẫu</p>
<p>Sửa đổi điểm b khoản 9 Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>		
<p>b.Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết</p>	<p>b.Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p>	<p>Phù hợp với thực tế của Công ty</p>
<p>Sửa đổi khoản 11 Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>		
<p>11.Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p>	<p>11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tham dự họp với tỷ lệ biểu quyết đa số (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p>	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TNHH

shus

Sửa đổi khoản 1, bỏ khoản 2, sửa đổi khoản 3 (chuyên thành khoản 2) Điều 28. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị			
25	1. HĐQT thành lập Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự và Tiểu ban lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Tiểu ban nhân sự và Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 1 thành viên HĐQT độc lập làm trưởng ban.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tiểu ban nhân sự và Tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	Phù hợp với Thông tư 95 và Điều lệ mẫu
	2. HĐQT có thể thành lập các Tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của ĐHCĐ.	Bỏ	Các tiểu ban HĐQT đều được HĐQT thành lập sau khi có nghị quyết chấp thuận của ĐHCĐ, do đó không phân biệt giữa tiểu ban đặc biệt và tiểu ban không đặc biệt.
	3. HĐQT có thể ủy quyền cho các Tiểu ban quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.	2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại Khoản 1 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	
26	Sửa đổi tên mục VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		
	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	Phù hợp với thay đổi các khái niệm tương ứng tại Điều 1 Điều lệ.
Sửa đổi Điều 29. Tổ chức bộ máy quản trị			

	<p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành hoặc một số Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (một) Tổng Giám đốc và một số Phó Tổng Giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị (trừ trường hợp Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị) và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Phù hợp với thay đổi các khái niệm tương ứng tại Điều 1 Điều lệ.</p>
27	Sửa đổi Điều 30. Cán bộ quản lý		
	<p>Sửa đổi Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	<p>Điều 30. Người điều hành công ty, cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành, cán bộ quản lý với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Người điều hành Công ty phải có sự mẫn cán để thực hiện các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	<p>Thay thế quy định về “Cán bộ quản lý” bằng quy định “Người điều hành doanh nghiệp” theo Khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều 34 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
	<p>2. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và hợp đồng lao động với người điều hành khác; quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với cán bộ quản lý giữ chức vụ từ cấp phó phòng và tương đương</p>	

		trở lên sau khi tham khảo ý kiến Tổng Giám đốc.	
28	Sửa đổi tên Điều, sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành		
	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành 1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị (với điều kiện thành viên đó không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và ký hợp đồng tuyển dụng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. [...] Tổng Giám đốc không phải là người thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp	Phù hợp Khoản 2 Điều 12 NĐ 71/2017/NĐ-CP. Bổ sung quy định để phù hợp Điều 31 NĐ 71/2017/NĐ-CP Khoản 2 Điều 18 Luật
	2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành là không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ	2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc được miễn nhiệm trước hạn trong trường hợp hợp đồng lao động bị chấm dứt, kết thúc khi chưa hết nhiệm kỳ.	Phù hợp với tổ chức quản lý hiện nay của Doanh nghiệp

11/11/2017
 T
 H
 A
 I
 P

Handwritten signature

từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.		
Sửa đổi điểm b, điểm c, điểm e, điểm h, điểm i khoản 3 và khoản 4, khoản 5 Điều 31 Bộ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành		
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. ... b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.	3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. [...] b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị; thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện cho công ty ký kết các hợp đồng khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, cho phép; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.	Phù hợp với tổ chức quản lý hiện nay của OGC
c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động của những cán bộ quản lý.	c. Kiến nghị số lượng và người điều hành Công ty, cán bộ quản lý mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của Hợp đồng lao động với những người điều hành Công ty, cán bộ quản lý;	Thay thế quy định về “Cán bộ quản lý” bằng quy định “Người điều hành doanh nghiệp” theo Khoản 5 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều 34 Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.	e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt [...]	
h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự	h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự	Phù hợp tình hình thực tế của Công ty

	toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.	toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của công ty theo kế hoạch kinh doanh. [...]	
	i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.	i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động Tổng Giám đốc và pháp luật.	
	4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.	4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.	
	5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.	5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.	
29	Sửa đổi khoản 1 Điều 32. Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty		
	1. Thư ký công ty: Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ	1. Thư ký công ty: Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi miễn Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ	Phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp



	nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: [...]	một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: [...]	
30	Sửa đổi tên mục IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ và Điều 33		
	IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
	Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là lợi ích cao nhất của công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, [...]	Áp dụng thống nhất khái niệm sử dụng trong Điều lệ
31	Sửa đổi Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		
	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân [...]	Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại



	<p>để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>		Điều 1 của Điều lệ
	<p>2.Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p>	<p>2.Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty [...]</p>	
	<p>3.Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	
	<p>4.Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt</p>	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, trong các trường hợp sau đây:</p>	



	<p>hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiêu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p>		
	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhưng yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện Hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p>	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhưng yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện Hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p>	
	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu ban trực</p>	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp</p>	<p>Phù hợp quy định tại điểm c Khoản 5 Điều 40 Điều lệ mẫu</p>



	<p>thuộc Hội đồng quản trị hay cô đồng cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên [...]</p>	<p>Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại Điều 1 của Điều lệ</p>
32	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường		
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, [...]</p>	
	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan [...] là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty [...] trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 41 Điều lệ mẫu</p>

	<p>Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (Trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	<p>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (Trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	
Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 36. Kiểm soát viên			
33	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Các Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban</p>	<p>[...]Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty [...]</p>	<p>Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại Điều 1 của Điều lệ</p>

BỘ CÔNG TỶ ĐÀ TÀI

<p>kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>		
<p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40 đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>Trình tự, thủ tục bầu cử Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công ty.</p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được</p>	<p>2. Các cổ đông [...], từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>Trình tự, thủ tục bầu cử Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công ty [...]</p>	<p>Phù hợp Khoản 4 Điều 20 NĐ 71/2017/NĐ-CP</p>

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

mt

	công bố rõ ràng và phải được đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.		
Sửa đổi khoản 4 Điều 36. Kiểm soát viên			
	<p>4. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng 6 tháng, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>g. Thành viên không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p> <p>h. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p>	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.</p> <p>c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>Phù hợp Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2014</p>

2
 G
 P
 Đ
 JU
 1
 11

	i. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên, quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật		
Bổ sung khoản 5 Điều 36. Kiểm soát viên			
		5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
34	Sửa đổi điểm c, điểm d khoản 1 Điều 37. Ban Kiểm soát		
	c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông;	c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;	Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại Điều 1 của Điều lệ
	d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	
Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 37. Ban Kiểm soát			
	2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan [...] sẽ phải	Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại Điều 1 của Điều lệ

	phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	
	3.Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người	3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	Phù hợp Khoản 1 Điều 23 Nghị định 71/2017/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 38 Điều lệ mẫu;
	5.Các quy định về trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và các xung đột về quyền lợi của Ban kiểm soát được quy định như Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý tại các Điều 33 và Điều 34 Điều lệ này.	5. Các quy định về trách nhiệm cẩn trọng [...] được quy định như thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác tại các Điều 33 và Điều 34 Điều lệ này.	Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại Điều 1 của Điều lệ.
36	Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 38. Quyền điều tra sổ sách		
	1.Cô đồng hoặc nhóm cô đồng đề cập trong Điều 24 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công	1. [...]	

	<p>ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.</p> <p>Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền (được công chứng hoặc chứng thực) của cổ đông mà người đó đại diện.</p>	
	<p>2.Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>2.Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, [...]</p>	<p>Áp dụng tương tự đối với các khái niệm quy định tại Điều 1 của Điều lệ</p>
	<p>3.Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là tất cả các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p>3.Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, [...], sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là tất cả các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p>	<p>Bổ sung thêm để phù hợp Khoản 3 Điều 42 Điều lệ mẫu</p>

37	Sửa đổi Điều 39. Công nhân viên và công đoàn		
	<p>Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động; cũng như các mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành công ty và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, [...]</p>	<p>Phù hợp Điều 43 Điều lệ mẫu</p>
37	Sửa đổi tên Điều, khoản 2 Điều 40. Cổ tức		
	Điều 40. Cổ tức	Điều 40. Phân phối lợi nhuận	<p>Đổi tên “Cổ tức” thành “Phân phối lợi nhuận” để Phù hợp Điều 44 Điều lệ mẫu</p>
	<p>2.Theo Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông cho phép/chấp thuận</p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</p>
38	Sửa đổi Điều 43. Năm tài khóa		
	<p style="text-align: center;">Điều 43. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh</p>	<p style="text-align: center;">Điều 43. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. [...]</p>	<p>Phù hợp với quy định pháp luật và tiêu đề của Chương</p>

	doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy phép kinh doanh) đó.		
39	Sửa đổi tên Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng		
	Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng ...	Điều 46. Báo cáo thường niên	Sửa nội dung tiêu đề phù hợp với nội dung quy định
40	Sửa đổi Điều 48. Con dấu		
	1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Mẫu con dấu được thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được khắc theo quy định pháp luật. 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định về hình thức, số lượng, nội dung và mẫu con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin chính sau đây: a. Tên Công ty b. Mã số doanh nghiệp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung theo Điều 44 Luật doanh Nghiệp năm 2014
41	Sửa đổi khoản 1 Điều 49. Chấm dứt hoạt động		
	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy	Bổ sung trường hợp Công ty bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động khi bị thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN – Theo Điều lệ mẫu TT 95/2018/TT-BTC và Luật DN 2014

	d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	
42	Bổ Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông		
	Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông		Bổ điều khoản này theo mẫu Điều lệ tại Thông tư 95/2018/TT-BTC
43	Sửa đổi Điều 51. Gia hạn hoạt động		
	Điều 51. Gia hạn hoạt động 1..Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.	Điều 50. Gia hạn hoạt động Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Trong trường hợp có thay đổi về thời gian hoạt động của Công ty, việc gia hạn hoạt động sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.	Phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
44	Sửa đổi khoản 1 Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ		
	Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải.	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: a. Cổ đông với Công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác. [...]	

	<p>Trù trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>		
45	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 56. Ngày hiệu lực		
	<p>Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Đại dương nhất trí thông qua ngày 26/4/2014; đã sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 001/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/5/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương;</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 55 điều, được cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2015 Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, Nghị quyết số 001/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Nghị quyết sốngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020</p>	<p>Phù hợp tình hình thực tế sửa đổi Điều lệ</p>
<p>2.Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p>	<p>2.Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p>		